

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (TNCNXD)

Tên tổ chức hoạt động TNCNXD: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG MINH SƠN**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 0102213582 cấp lần đầu ngày 13/03/2007 đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 04 tháng 10 năm 2024.

- Địa chỉ: Số 8, ngách 2, ngõ 219 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Phương Liệt, TP. Hà Nội
- Điện thoại: 0904.507.505
- Email: Minhson.las524@gmail.com
- MST: 0102213582

2. Thông tin Phòng thí nghiệm

- Tên phòng thí nghiệm: **PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG LAS-XD 24.006**
- Địa chỉ phòng thí nghiệm: Nhà NV01-6, ngõ 178 đường Đại Mỗ, TP. Hà Nội
- ĐT: 0904507505
- Gmail: Minhson.las524@gmail.com
- Website: lasminhsonjsc.com

3. Thông tin trạm thí nghiệm hiện trường.

Phân đoạn Km30+000 – Km38+000 thuộc Gói thầu EC01: Thiết kế và thi công xây dựng công trình đường cao tốc mở rộng giai đoạn 1 từ Km0+000 – Km38+000 và cầu Km12+210

Dự án: Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 2)

Địa chỉ đặt trạm thí nghiệm hiện trường: Thôn Nà Pài, xã Tràng Định, Tỉnh Lạng Sơn

4. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng phục vụ dự án

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Phương pháp thử	Máy, thiết bị, dụng cụ để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
I.	Cốt liệu thô cho bê tông			
1	Cường độ đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy thử nén TYA-2000kN/0,01kN, Thước cặp 200mm/0.01mm, thùng ngâm mẫu,	Lê Hồng Phong, Lê Đình Tam, Vương Văn Nghiêm.
2	Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.5g$, cân kỹ thuật 15kg/0,5g, bộ sàng tiêu chuẩn bộ sàng, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, Máy lắc sàng	
3	Khối lượng thể tích, Khối lượng riêng, Độ hút nước	TCVN 7572-4:2006 TCVN 7572-5:2006	Bình khối lượng riêng, giỏ cân trong nước, Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, giấy thấm nước, sàng kích thước 5mm và 0.14mm	
4	Khối lượng thể tích xếp, Khối lượng thể tích lèn chặt, độ rỗng	TCVN 7572-6:2006; AASHTO T19	Thùng đóng, cân kỹ thuật 30kg/5g, phễu chứa mẫu, que đầm, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, thước lá kim loại	
5	Hàm lượng hạt dẹt	TCVN 7572-13:2006	Cân kỹ thuật 15kg/0,5g, bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp cải tiến, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$	
6	Độ mài mòn LA	TCVN 7572-12:2006	Cân kỹ thuật 15kg/0,5g, sàng 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 6.3; 4.75; 2.36; 1.7mm, tủ sấy đến	

			300°C/1°C, máy mài mòn Los Angeles.	
7	Hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006	Cân kỹ KT có độ chính xác $d = 0.01g$, tủ sấy đến 300°C/1°C, bộ sàng 40; 20; 10; 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315, 0.14mm, giấy nhám, đĩa thủy tinh.	
8	Hàm lượng bụi, bùn sét	TCVN 7572-8:2006	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, tủ sấy đến 300°C/1°C, thùng rửa mẫu, đồng hồ bấm giây.	
9	Độ nén đập xi lanh	TCVN 7572-11:2006	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.01kN, xi lanh bằng thép ϕk 75mm, 150mm, cân kỹ thuật có độ chính xác (0.1g), sàng tiêu chuẩn 40mm; 20mm; 10mm; 5mm; 2.5mm; 1,25mm, tủ sấy đến 300°C/1°C, thùng ngâm mẫu, khăn lau.	
II	Cốt liệu mịn cho bê tông và vữa			
10	Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.5g$, cân kỹ thuật 15kg/0,5g, bộ sàng tiêu chuẩn bộ sàng, tủ sấy đến 300°C/1°C, Máy lắc sàng	Lê Hồng Phong, Lê Đình Tam, Vương Văn Nghiêm.
11	Hàm lượng bụi, bùn, sét	TCVN 7572-8:2006	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, tủ sấy đến 300°C/1°C, thùng rửa mẫu, đồng hồ bấm giây.	
12	Tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	Bảng màu chuẩn so sánh, ống dung tích loại 500ml, 1000ml, Cân kỹ thuật 3000g/0.01g, sàng	

			5mm; 20mm, thuốc thử dung dịch NaOH 3%.	
13	Khối lượng thể tích xộp, Độ rỗng	TCVN 7572-6:2006	Thùng đóng, cân kỹ thuật 30kg/5g, phễu chứa mẫu, que đâm, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy đến 300°C/1 °C, thước lá kim loại	
14	Khối lượng riêng	TCVN 7572-4:2006	Bình khối lượng riêng, Cân kỹ thuật có độ chính xác d = 0.1g, tủ sấy đến 300°C/1 °C, Cồn hấp phụ nước, sàng 5mm và 0.14mm	
III	Xi măng			
15	Độ mịn, Khối lượng riêng	TCVN 13605:2023	Sàng (kích thước mắt 0.045mm, cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy, Bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả, bộ thí nghiệm tỷ diện của xi măng Blaine.	Lê Hồng Phong, Lê Đình Tam, Vương Văn Nghiêm.
16	Thời gian đông kết, Độ ổn định thể tích (PP Le chatelier)	TCVN 6017:2015	Dụng cụ Vica, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật, ống đong, dao thép, đồng hồ bấm giây, máy trộn,	
17	Cường độ chịu nén	TCVN 6016:2011	Máy trộn, khuôn (4x4x16cm), bộ gá nén, máy nén 300kN, tủ dưỡng nhiệt ẩm	
IV	Bê tông xi măng			
18	Lấy mẫu, bảo dưỡng mẫu BT	TCVN 3105: 2022	Khay, thùng, xẻng,...	Lê Hồng Phong, Lê Đình Tam, Vương Văn Nghiêm.
19	Cường độ chịu nén	TCVN 3118: 2022	Máy nén TYA - 2000kN, thước lá kim loại, đệm truyền tải	
20	Độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106: 2022	Bộ Côn thử độ sụt (tám đế, que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, phễu đổ hỗn	

			hợp, thước lá kim loại dài 300mm).	
21	Khối lượng thể tích	TCVN 3115: 2022	Thùng kim loại 5l, 10l (cao 186 và 267mm), que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, cân đĩa 30kg (d=1g), dao thép gạt mẫu, búa cao su	
22	Xác định độ tách nước	TCVN 3109: 2022	Khuôn thép 200x200x200mm, bàn rung, que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, cân kỹ thuật 30kg (1g), sàng 5mm, thước lá kim loại, gao gạt mẫu, ống đong 500ml, pipet 5ml, tủ sấy 300 ⁰ c (±1 °C)	
23	Cường độ chịu kéo, uốn	TCVN 3119: 2022	Máy nén TYA - 2000kN, thước lá kim loại, đệm truyền tải, gối uốn 4 điểm tựa	
24	Kiểm tra hàm lượng bột khí	TCVN 3111:2022;	Thiết bị đo hàm lượng bột khí	
25	Kiểm tra cường độ BT mẫu khoan	TCVN 12252-2020	Máy nén, thước đo	
V	Vữa			
26	Các tính chất cơ lý vữa xây	TCVN 3121-11: 2022	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, ống đong,	Lê Hồng Phong, Lê Đình Tam, Vương Văn Nghiêm.
27	Cường độ nén của vữa	AASHTO T106	Máy nén, thước đo, bộ gá nén vữa	
28	Độ chảy, độ linh động của vữa tự chảy không co	ASTM C 939	Thiết bị đo độ chảy vữa, Thước kẹp, đồng hồ bấm giây	
29	Độ co, nở và tách nước của vữa tự chảy không co	ASTM C 940	Ống đong 1000ml, Pipet, ống đong, thước đo, ...	
30	Vữa chèn cáp dự ứng lực, Vữa xi măng khô trộn sẵn không co	TCVN 11971: 2018; TCVN 9204: 2012	Nhót ké, đồng hồ, Máy thử nén,...	
VI	Thép, Kim loại, Bulong			

31	Đo đơn trọng, đo các đặc trưng hình học; Thí nghiệm kéo; Thí nghiệm uốn	TCVN 7937-1: 2013; TCVN 197: 2014; TCVN 198: 2008	Máy thử độ bền kéo nén 1000kN/0.01kN, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0,5g), thước thép 1000mm. bộ gá uốn, bộ má kẹp TC	Lê Hồng Phong, Lê Đình Tam, Vương Văn Nghiêm.
31	Thí nghiệm mối nối thép bằng ống ren	TCVN 8163: 2009	Máy thử độ bền kéo 1000KN/0,01KN; thước đo, thước kẹp	
VII	Đất đắp nền đường			
33	Thành phần hạt	TCVN 4198:2014; T88	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), bộ rây (50; 40; 20; 10; 5; 2; 1; 0,5; 0,25; 0,1; 0,425; 0,075mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, bình hút ẩm, tỷ trọng kế, ống đong 1000ml, nhiệt kế, que khuấy, đồng hồ bấm giây.	Lê Hồng Phong, Lê Đình Tam, Vương Văn Nghiêm.
34	Giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN4197:2012; AASHTO T89;90	Dụng cụ Casagrande, Tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C	
35	Đầm nén trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790:2020	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến cân kỹ thuật 15kg/0,5g, tủ sấy, Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g	
36	Xác định hàm lượng hữu cơ	AASHTO T267	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, lò nung 1000 ⁰ C/ 1 ⁰ C,	
37	Độ ẩm	TCVN 4196:2012	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), Bình hút ẩm, hộp	

			ấm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, cối chày sứ (đồng), rây 1mm, tủ sấy, cốc nhỏ (hộp nhôm có nắp)	
38	Độ trương nở, Chỉ số CBR	TCVN 12792:2020	Máy nén CBR 1.27mm/ph, đồng hồ đo biến dạng, chày đầm, cối D152.4mm, tấm đệm ga tải, thùng ngâm mẫu, tủ sấy, cân, sàng 50; 19; 4.75mm, giấy lọc, chảo, bay trộn, dụng cụ làm bằng mặt mẫu.	
VIII	Lớp móng đường phối đá dăm, cấp phối đá dăm gia cố xi măng			
39	Cường độ đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy khoan, máy cắt, thước kẹp, máy nén	Lê Hồng Phong, Lê Đình Tam, Vương Văn Nghiêm.
40	Giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T89;90	Dụng cụ Casagrande, Tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C	
41	Đầm chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790:2020	Bộ Cối chày cải tiến cân kỹ thuật 15kg/0,5g, Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g	
42	Độ hao mòn LA	TCVN 7572-12:2006	Bộ sàng 4,75; 9,5;12,5; 19; 1,7mm; máy LosAngeles; bộ bi thép; tủ sấy, cân kỹ thuật, khay	
43	Hàm lượng hạt thoi dẹt	TCVN 7572-13:2006	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, thước đo dài dẹt, khay	
44	Độ trương nở, Chỉ số CBR	TCVN 12792:2020	Máy nén CBR 1.27mm/ph, đồng hồ đo biến dạng, chày đầm, cối	

			D152.4mm, tấm đệm ga tải, thùng ngâm mẫu, tủ sấy, cân, sàng 19; 4.75mm, giấy lọc, chảo, bay trộn, dụng cụ làm bằng mặt mẫu.	
45	Thành phần hạt	TCVN 4198:2014	Tủ sấy; cân kỹ thuật; bộ sàng tiêu chuẩn (50; 37,5; 31,5; 25; 19; 12,5; 9,5; 4,74; 2,36; 0,425; 0,075mm)	
46	Độ ẩm	TCVN 4196:2012	Tủ sấy, khay ẩm, cân kỹ thuật chính xác 0,01g;	
47	Cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022	Máy nén TYA2000; thước đo	
48	Cường độ ép chế	TCVN 8862:2011	Máy nén TYA2000; thước đo	
49	Xác định mô đun đàn hồi vật liệu đá gia cố kết dính	TCVN 9843:2013	Máy nén TYA2000; thước đo, đồng hồ đo biến dạng	
XIV.	Thí nghiệm hiện trường			
81	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng phương pháp dao đai (xác định độ chặt của đất tại hiện trường)	TCVN 12791:2020;	Dao đai tròn bằng thép, cân kỹ thuật 15kg/0,5g; cân 5kg/0,01g, dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga hoặc dùng cồn	
82	Xác khối lượng thể tích, độ ẩm của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	AASHTO T191	Phễu rót cát, cân kỹ thuật 15kg/0,5g; cân 5kg/0,01g, bếp ga hoặc dùng cồn	Lê Hồng Phong, Lê Đình Tam, Vương Văn Nghiêm.
83	Xác định dung trọng, độ chặt hiện trường bằng PP thay thế nước trong hố	ASTM D5030	Dao dao vòng D=1m; Bình chứa nước, Ống đóng, túi nilon, Cân 100kg; Cân điện tử ±1 g, Hộp thiếc; bếp ga hoặc dùng cồn	
84	Độ bằng phẳng đo bằng thước 3 mét	TCVN 8864:2011	Thước dây, Thước 3m, nệm đo khe hở, cọ quét	

86	Xác định modul đàn hồi “E” nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011 ; D1194 ; D1196 ; T256	Tấm ép, kích thủy lực 0÷320kN, đồng hồ so 30mm
87	Đất xây dựng - phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D4395 - 17	Tấm ép phẳng 50x50cm, kích thủy lực 0÷2000kN, đồng hồ so 0÷50mm
90	Thử nghiệm ống cống, cống hộp, Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Kiểm tra kích thước và độ vuông góc; Kiểm tra khả năng chịu tải; Kiểm tra độ thấm nước	TCVN 9113:2012; TCVN 9116:2012;	Thước thép 500mm,1000mm (1mm), bộ kích 320kN + tay kích đồng hồ áp, thước lá, căn lá.
91	Thí nghiệm gỏi cống bê tông đúc sẵn: xác định cường độ, kích thước, xác định khuyết tật ngoại quan, khả năng chịu tải	TCVN 10799:15	Thước thép 500mm,1000mm (1mm), bộ kích 320kN + tay kích đồng hồ áp, thước lá, căn lá.

- Phòng thí nghiệm huy động thiết bị và nhân sự theo tiến độ của dự án.
- Công ty Cổ phần xây dựng giao thông Minh Sơn cam kết chịu trách trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố và cập nhật khi có thay đổi theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng
- Lưu VT, (Công Ty CPXDGT Minh Sơn)
- TT thông tin (Website)

**ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CP XÂY DỰNG GIAO THÔNG
MINH SƠN**

(Ký tên, đóng dấu)



GD. Lê Trọng Dương